TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-7-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Lê Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2024/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1992; Thường trú: Tổ M, thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Trần Hữu M, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ M, thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Trần Hữu M tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 02 năm thì năm 2013 tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2013, quyển số 01/2013 ngày 03/9/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà riêng ở tổ M, thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì anh M cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, bị chủ nợ đến làm phiền gia đình. Ngoài ra, vợ chồng còn nhiều lần cãi nhau về vấn đề kinh tế gia đình. Tháng 5/2023, anh M mượn tiền bên ngoài nhưng không nói với chị L, sau đó chủ nợ đòi tiền thì chị L mới biết, vì vấn đề này mà hai vợ chồng cãi nhau, anh M có đánh chị L và dùng dao đe dọa chị L. Vì lo sợ, nên chị L cùng con nhỏ về nhà chị gái tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm nhau và không cùng nhau chăm sóc con chung.

Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hữu M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Hoàng Kh, sinh ngày 28/12/2015, Trần Hoàng Minh T, sinh ngày 09/12/2018 và Trần Hoàng Minh Th, sinh ngày 12/4/2021. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Hoàng Minh Th, giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Trần Hoàng Kh, Trần Hoàng Minh T. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu K và cháu Th đang sinh sống cùng anh M, cháu T đang sống cùng chị L. Tuy nhiên, ngày 13/6/2024, chị L đã rút yêu cầu tranh chấp về nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Hữu M đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh M không đến Toà án làm việc, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Ngày 11/6/2024, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Hoàng Thị L và anh Trần Hữu M tại địa phương và được cung cấp: Chị Hoàng Thị L và anh Trần Hữu M là vợ chồng, sinh sống tại tổ M, thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian sống chung, địa phương không nhận thông tin đề nghị hòa giải nào từ anh chị, nhưng địa phương có nghe thông tin anh chị đã mâu thuẫn hôn nhân từ lâu, nguyên nhân về vấn đề kinh tế và bất đồng quan điểm sống. Chị L hiện nay không còn sinh sống tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227,

228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2013, chị L, anh M kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh M đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng đã không còn tình cảm, có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, từ tháng 5/2023, chị L cùng con nhỏ về nhà chị gái tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông sinh sống cho đến nay. Từ đó vợ chồng ly thân, không còn quan tâm nhau và không cùng nhau chăm sóc con chung, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Hoàng Kh, sinh ngày 28/12/2015, Trần Hoàng Minh T, sinh ngày 09/12/2018 và Trần Hoàng Minh Th, sinh ngày 12/4/2021; Tại đơn khởi kiện chị L có tranh chấp về nuôi con, tuy nhiên, ngày 13/6/2024, chị L đã có đơn xin rút yêu cầu tranh chấp này, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 03/7/2024 và ngày 23/7/2024 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Trần Hữu M tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2013, quyển số 01/2013 ngày 03 tháng 9 năm 2013, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, chị Hoàng Thị L cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì anh M cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, bị chủ nợ đến làm phiền gia đình. Ngoài ra, vợ chồng còn nhiều lần cãi nhau về vấn đề kinh tế gia đình. Tháng 5/2023, anh M mượn tiền bên ngoài nhưng không nói với chị L, sau đó chủ nợ đến đòi tiền thì chị L mới biết, vì vấn đề này mà hai vợ chồng cãi nhau, anh M có đánh chị L và dùng dao đe dọa chị L. Vì lo sợ, nên chị L cùng con nhỏ về nhà chị gái tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông sinh sống cho đến nay, vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm nhau và không cùng nhau chăm sóc con chung. Nay chị L nhận thấy vợ chồng đã không còn tiếng nói chung, không tôn trọng và không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh M.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Trần Hữu M đến làm việc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh M không có mặt. Bên cạnh đó, chị Hoàng Thị L cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Trần Hữu M. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh, chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Trần Hữu M bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân, cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Hoàng Thị L.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Trần Hoàng Kh, sinh ngày 28/12/2015, Trần Hoàng Minh T, sinh ngày 09/12/2018 và Trần Hoàng Minh Th, sinh ngày 12/4/2021. Tại đơn khởi kiện, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Hoàng Minh Th, giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Trần Hoàng Kh, Trần Hoàng Minh T. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 13/6/2024, chị L có đơn rút yêu cầu tranh chấp về nuôi con. Do đó, Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn và đình chỉ đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của chị Hoàng Thị L đối với anh Trần Hữu M. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L đối với anh Trần Hữu M về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Trần Hữu M.

1.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L đối với anh Trần Hữu M về tranh chấp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004379 ngày 04/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Hoàng Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã M, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung